

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 101/2022/DS-ST

Ngày 05/7/2022

V/v đòi lại tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Huỳnh Văn Hoàn

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 28 tháng 6 và 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-DS ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-DS ngày 06/6/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

*Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh L.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1956 (có mặt).

3. Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã C, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Duy K trình bày: Anh là chủ đại lý vật tư nông nghiệp

Duy Khánh ở xã Cẩm Sơn, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, anh có thuê anh Nguyễn Văn G bán hàng với hình thức làm công ăn lương theo sản phẩm. Bắt đầu năm 2016 anh giao cho anh G quản lý và thu tiền công nợ khách hàng, đầu năm 2020 anh phát hiện thất thoát số tiền 275.617.000 đồng, anh G thừa nhận đã tự ý thu tiền công nợ và tiêu xài cá nhân, nên hứa sẽ trả lại số tiền trên, ngày 30/01/2020 anh G có ký văn bản thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng nhưng đến nay không trả. Do đó, anh yêu cầu anh G trả số tiền 275.617.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày: Ngày 24/11/2018 anh có làm giấy xác nhận nợ 290.000.000 đồng, anh K ghi không đúng sự thật nên anh mới ghi lại anh là người xác nhận số tiền này chứ không phải người nhận nợ trả cho anh K, hiện tại anh K đã thu tiền của ông Nguyễn Văn T 49.805.000 đồng ngày 30/01/2020, thu của chị Nguyễn Thị T 31.500.000 đồng ngày 06/8/2017, thu của anh Nguyễn Văn Đăng 10.000.000 đồng ngày 20/5/2018, tổng cộng là 91.305.000 đồng, còn lại số tiền 198.695.000 đồng, do nhầm lẫn nên anh mới ký giấy nhận nợ 290.000.000 đồng. Đối với số tiền 198.695.000 đồng anh K tự đi thu do nông dân nợ anh K, số tiền này có một số nông dân đã nợ từ năm 2013 đến năm 2015 lúc đó anh mới làm cho anh K.

Trong sổ sách của chú Sáu Gạng ghi anh còn nợ số tiền 420.264.000 đồng, từ ngày 25/5/2017 đến ngày 13/4/2018 lợi dụng chữ ký của anh, anh K lấy hàng của chú Sáu Gạng vận chuyển về kho của anh K bán, anh K tự thu tiền không trả nên hiện tại chú Sáu Gạng đang khởi kiện yêu cầu anh trả tiền, nên anh có yêu cầu phản tố yêu cầu Khánh trả số tiền 420.264.000 đồng, yêu cầu trả trong 2 năm để anh trả lại cho chú Sáu Gạng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K yêu cầu anh G trả số tiền, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh K trình bày vào năm 2014, anh có mở cửa hàng kinh doanh phân bón thuộc bảo vệ thực vật, anh có thuê anh G giao chở hàng và thu tiền, trả lương theo lượng sản phẩm. Đầu năm 2016 anh phát hiện anh G thu tiền của khách hàng nhưng không giao lại cho anh, đến đầu năm 2020 số tiền anh G làm thất thoát của anh là 275.617.000 đồng theo hai giấy xác nhận nợ ngày 30 và 31/01/2020. Do anh G không thực hiện đúng cam kết nên anh yêu cầu anh G trả ngay số tiền 275.617.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh G thừa nhận chữ viết và chữ ký trong hai xác nhận ngày 30/01/2020 và ngày 31/01/2020 là của anh

và anh cũng xác định từ năm 2015 đến năm 2016, anh làm thuê cho cửa hàng vật tư nông nghiệp của anh K. Do anh K đi làm xa nên anh là người chịu trách nhiệm nhập hàng từ đại lý rồi giao hàng và thu tiền của nông dân, số tiền anh K yêu cầu xuất phát từ số nợ 290.000.000 đồng mà Khánh đã kiện anh trong vụ kiện khác và do tính toán sai chứ thực tế thì không đến số tiền đó. Anh G không thừa nhận trong thời gian quản lý cửa hàng anh đã thu tiền của nông dân và lấy số tiền 275.617.000 đồng. Ngày 30/01/2020 anh chỉ ký xác nhận nợ cho anh K số tiền 114.617.000 đồng và cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên anh G cho rằng biên nhận là do anh K ép buộc anh viết và ký tên, anh chỉ ký xác nhận nợ chứ không phải ký mượn nợ nên anh không đồng ý trả nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, tại phiên tòa những người làm chứng cũng xác định có biết việc anh G còn nợ tiền của anh K và có làm biên nhận thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng. Do đó, việc anh G cho rằng số tiền 290.000.000 đồng tại biên nhận ngày 24/11/2018 là số tiền nông dân nợ anh K chứ không phải số tiền 275.617.000 đồng, hiện anh K đã thu của ông Nguyễn Văn T số tiền 49.805.000 đồng, chị Nguyễn Thị T 31.500.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đăng 10.000.000 đồng, tổng cộng 91.305.000 đồng, chỉ còn lại 198.695.000 đồng nhưng anh lại nhầm lẫn đã ký vào giấy nhận nợ số tiền 290.000.000 đồng là chưa có căn cứ. Tuy nhiên, xét yêu cầu của anh K chỉ có một phần có cơ sở, bởi lẽ theo biên nhận nợ Khánh ngày 30/01/2020 thì anh G xác nhận còn nợ anh K số tiền 114.617.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 5.000.000 đồng bắt đầu vào ngày 01/02/2020. Đối với biên nhận ngày 31/01/2020, anh G cũng thừa nhận có ký tên nhưng nội dung là anh G sẽ bàn giao công nợ nông dân cho anh K với số tiền là 161.000.000 đồng. Điều này cho thấy chưa có căn cứ để xác định anh G có nợ anh K số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K.

[3] Xét yêu cầu phản tố của anh G, yêu cầu anh K trả số tiền 420.264.000 đồng là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm, anh G trình bày từ ngày 25/5/2017 đến ngày 13/4/2018 anh đã nhập hàng từ đại lý vật tư nông nghiệp của ông Gạng chuyển về kho của anh K để bán lại cho nông dân, anh K kêu anh nhận hàng và ký nợ với ông Gạng tổng số tiền là 420.264.000 đồng, sau khi bán hàng anh K đã tự thu tiền của nông dân nên ông Gạng kiện anh nên anh yêu cầu anh K trả lại căn cứ vào sổ nhập hàng, anh K thì không thừa nhận đã nhờ anh G nhập hàng từ ông Gạng, anh G cũng xác định sổ nhập hàng là do anh tự lập không có xác nhận của anh K. Mặt khác anh G và anh K cũng xác định đến năm 2016 sau khi phát hiện anh G thu tiền của nông dân nhưng không giao lại cho anh K thì anh K đã ngưng nhập hàng, giao lại toàn bộ kho hàng và việc thu chi của cửa hàng cho anh G. Do đó việc anh G nhập hàng từ ngày 25/5/2017 đến ngày 13/4/2018 từ đại lý vật tư nông nghiệp của ông Gạng với số tiền 420.264.000 đồng thì anh tự chịu trách nhiệm nên việc anh G yêu cầu anh K trả số tiền cho ông Gạng là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí: Anh Nguyễn Duy K và anh Nguyễn Văn G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 4, 5 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 166 và điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4, 5 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K.

Buộc anh Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy K số tiền 114.617.000đ (Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Duy K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn G chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K, yêu cầu anh Nguyễn Văn G trả số tiền 161.000.000đ (Một trăm sáu mươi một triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn G, yêu cầu anh Nguyễn Duy K trả số tiền 420.264.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

4. Án phí: Anh Nguyễn Duy K phải chịu 8.050.000đ (Tám triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 6.890.000đ (Sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001622 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang còn nên phải nộp tiếp số tiền 1.160.000đ (Một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn G phải chịu 25.395.200đ (Hai mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 10.405.000đ (Mười triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001917 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp số tiền 14.990.200đ (Mười bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn, hai trăm đồng).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Phượng**